

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8082/BTC-DNTN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 6171/Kính gửi: Ngày: 15/06/2026

Chuyển: Số và ký hiệu HS:

Table with columns: ĐƠN VỊ, CHỦ TRÌ, THAM GIA. Lists various units and their participation status in the document process.

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp, Ngoại giao, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo hồ sơ Nghị định nêu trên theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính kính đề nghị Quý Cơ quan tham gia đóng góp ý kiến đối với nội dung dự thảo hồ sơ Nghị định nêu trên (gửi kèm). Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể) trước ngày 20/6/2026 (Bản điện tử xin gửi tới địa chỉ thư điện tử: vuducvinh@mof.gov.vn)

Nơi nhận:

- Như trên (gửi kèm dự thảo hồ sơ Nghị định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Đơn vị thuộc Bộ: PC, VP, CNTT, CT, KTN (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, DNTN. lau (3)
QR tài liệu kèm theo bản điện tử:



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Tâm

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã đề ra 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể, trong đó có nhiệm vụ *“Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể”*.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ *“tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”*.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng ủy Chính phủ *“... khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tổ chức thực hiện sắp*

xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, ...”.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp: *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”.*

- Điểm a khoản 1 Mục II Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ: *“Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bộ, ngành trung ương chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý. Đồng thời, hướng dẫn giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện liên quan đến công việc của bộ, ngành trung ương”.*

Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Chính trị chỉ đạo: *“Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định”.*

- Quyết định số 18/QĐ-BCĐQGKTTT ngày 28/02/2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể có giao Bộ Tài chính chủ trì thực hiện nhiệm vụ “*Trình Chính phủ ban hành các Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực kinh tế tập thể để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp theo quy định tại Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*”.

- Tại Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 27/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam về trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế, Hành động 01 nhằm nâng mức đánh giá đối với Tiêu chí A.1 (Thông tin định danh, quyền sở hữu pháp lý, quyền sở hữu hưởng lợi) được xác định như sau: “*sửa đổi, bổ sung pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ hợp tác, đăng ký kinh doanh nhằm bảo đảm tính sẵn có, đầy đủ, chính xác và khả năng lưu giữ tối thiểu 05 năm đối với thông tin về chủ sở hữu pháp lý, cổ đông, thành viên khi giải thể, chấm dứt hoạt động; nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật về doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh nhằm đảm bảo thông tin đăng ký doanh nghiệp được cập nhật trong suốt thời gian tạm ngừng kinh doanh; đồng thời nghiên cứu cơ chế xác nhận phù hợp đối với trường hợp doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; cân nhắc bổ sung thời hạn tối đa tạm ngừng kinh doanh và giải thể bắt buộc khi quá thời hạn; đồng thời nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật Doanh nghiệp và đề xuất cấp có thẩm quyền theo hướng bổ sung quy định hạn chế quyền thành lập pháp nhân mới, quyền quản lý đối với cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vi phạm; bổ sung quy định về chia sẻ dữ liệu để bảo đảm trao đổi thông tin vì mục đích thuế*”. Một trong các kết quả đầu ra của Hành động 01 được xác định là Nghị định sửa đổi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được ban hành”.

Nội dung Hành động 01 liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được cụ thể hóa tại STT 1.1 và 1.6 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 948/QĐ-TTg.

- Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về điều khoản chuyển tiếp: “*Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này*”.

- Khoản 4 và Khoản 5 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật: “*Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành khác với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Trường hợp có quy định khác nhưng cần tiếp tục được áp dụng thì phải được quy định rõ trong văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành*”.

- Khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đã quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh, theo đó, “*Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.*”

- Khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư quy định: “*Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 8 của Luật này khi thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế*”.

- Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 đề ra mục tiêu năm 2025 như sau: “*100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh*”; và mục tiêu năm 2026 như sau: “*Cắt giảm, 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử*”.

- Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu quy định: “*Cá nhân đăng nhập Công dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thì không phải thực hiện ký số biểu mẫu điện tử tương tác*”.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý

nhà nước của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/3/2027.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị định sửa đổi xuất phát từ nhu cầu khách quan nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật về kinh tế tập thể.

- *Thứ nhất là yêu cầu về xác thực ủy quyền trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký.* Thực tế cho thấy cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn hiệu quả các hành vi giả mạo thông tin cá nhân nhằm thành lập hợp tác xã để trục lợi bất hợp pháp. Việc thiết lập quy định xác thực điện tử thông qua kết nối giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống định danh và xác thực điện tử là giải pháp thực tiễn để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường, đồng thời đảm bảo tính chính xác và an toàn của dữ liệu đăng ký.

- *Thứ hai là việc giải quyết khoảng trống pháp lý đối với công tác đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.* Trong thực tiễn hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nhiều tranh chấp hoặc sự kiện pháp lý đã được giải quyết bằng bản án hoặc phán quyết có hiệu lực pháp luật, làm thay đổi các thông tin đã đăng ký. Tuy nhiên, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hiện hành chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, trình tự cho những trường hợp đặc thù này, gây lúng túng cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cản trở quyền lợi chính đáng của các bên liên quan. Do đó, việc bổ sung các quy định này là yêu cầu thực tiễn tất yếu để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giúp tháo gỡ rào cản hành chính và kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và tin cậy cho khu vực kinh tế tập thể phát triển ổn định.

- *Thứ ba là việc sáp nhập các bộ, ngành, cơ quan trung ương (từ tháng 3/2025) và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (từ 1/7/2025) đòi hỏi cần có sự rà soát, điều chỉnh các nội dung về quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan từ trung ương đến địa phương cho phù hợp như: Bộ Tài chính, ủy ban nhân dân tỉnh, ủy ban nhân dân xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã,...*

- *Thứ tư là việc quy định về tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã còn chưa tương đồng về nội dung, về thứ tự tình trạng pháp lý đối với khu vực doanh nghiệp, gây khó khăn cho người tiếp cận thông tin. Trong khi đó, khoản 4 Điều 3 Nghị định 92 đã quy định “Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã là một thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký*

doanh nghiệp”. Do đó, việc cập nhật nội dung, thứ tự tình trạng pháp lý để đảm bảo tính thống nhất trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- *Thứ năm* là việc quy định các biểu mẫu tại Nghị định không còn phù hợp, do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính”. Đồng thời, các Biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Từ những trình bày nêu trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2025 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là cần thiết nhằm thực hiện chủ trương, đường lối, mục tiêu của Đảng và Chính phủ, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý, đồng thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Thứ nhất, sửa đổi các quy định liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cấp xã.

Thứ hai, thể chế hóa cụ thể nội dung hành động được giao tại Quyết định số 948/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm đáp ứng khuyến nghị của Diễn đàn toàn cầu.

Thứ hai, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo chỉ đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP và Nghị quyết số 66.7/NQ-CP.

Thứ ba, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, việc xây dựng Nghị định thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo khả thi, hiệu quả trong công tác xây dựng pháp luật.

Thứ hai, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian và các giấy tờ, thông tin không cần thiết trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, hợp tác xã trong quá trình gia nhập, hoạt động và rút lui khỏi thị trường.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân định thẩm quyền; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; gắn phân cấp với điều kiện bảo đảm nguồn lực và năng lực thực thi.

Thứ tư, bảo đảm môi trường kinh doanh được an toàn, công khai, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tại điểm a Mục 1 Phần I Quyết định số 948/QĐ-TTg, việc ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP được xác định là một trong các nội dung hành động nhằm hoàn thiện thể chế, nâng mức đánh giá đối với Tiêu chí A.1 (Thông tin định danh, quyền sở hữu pháp lý và quyền sở hữu hưởng lợi)

Tại điểm a Mục 1 Phần II Quyết định số 948/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện quy trình sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo quy trình thủ tục rút gọn đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm có hiệu lực ngay khi ký.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ). Cụ thể:

1. Xây dựng dự thảo hồ sơ Nghị định, gửi xin ý kiến các đơn vị, cơ quan có liên quan để hoàn thiện trước khi gửi xin ý kiến rộng rãi.

2. Hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị định, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan. Tổng số cơ quan, tổ chức đã gửi xin ý kiến: ..., (bao gồm:); đồng thời thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động trực tiếp của Nghị định.

- Đến ngày .../.../2026, Bộ Tài chính nhận được ý kiến tham gia của ... cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu sự tác động, trong đó có ... ý kiến nhất trí hoàn toàn

với dự thảo Nghị định (*Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phân biện xã hội đối với dự thảo Nghị định đính kèm*).

3. Ngày /.../2026, Bộ Tài chính có công văn sốgửi Bộ Tư pháp để thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.

4. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP ngày, Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

5. Bộ Tài chính hoàn thiện, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định và trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; về cơ quan đăng ký kinh doanh; việc liên thông đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Về đối tượng áp dụng:

- Tổ hợp tác thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định: Dự thảo Nghị định gồm 31 Điều, cụ thể như sau:

Từ Điều 1 đến Điều 28 quy định sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

Điều 29 quy định thay thế một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

Điều 30 quy định điều khoản chuyên tiếp

Điều 31 quy định điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Quy định về cơ quan đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, hoàn thiện quy định về phân định lại thẩm quyền đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tương thích với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện. Theo đó, toàn bộ nhiệm vụ đăng ký kinh doanh đối với khu vực kinh tế tập thể được chuyển giao từ cấp huyện về cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Quy định này không chỉ pháp lý hóa cụ thể quy định tại Mục 2 Chương VI Nghị định số 125/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính mà còn quán triệt sâu sắc tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, đưa dịch vụ công đến gần sát người dân.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 150/2025/NĐ-CP và Nghị định số 370/2025/NĐ-CP, dự thảo quy định cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng, nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các xã có thành lập phòng chuyên môn); hoặc chính là Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với các đơn vị không thành lập phòng chuyên môn). Trong trường hợp không thành lập phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

Ngoài ra, việc quy định rõ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có con dấu và tài khoản riêng nhằm bảo đảm tính tự chủ, chịu trách nhiệm và vận hành thông suốt trong quá trình giải quyết hồ sơ.

Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định đã thay thế cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” bằng cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” quy định tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP để bảo đảm thẩm quyền giải quyết thủ tục, chức năng, nhiệm vụ trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được chuyển giao cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo quy định.

b) Quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

Việc hoàn thiện các quy định về đăng ký trên môi trường điện tử nhằm phù hợp với sự phát triển của hạ tầng số và khung pháp lý về định danh, xác thực điện tử. Dự thảo quy định rõ người nộp hồ sơ thực hiện đăng nhập qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đồng thời, trên cơ sở rà soát, nghiên cứu các quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, dự

thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể trình tự, thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử, bảo đảm minh bạch, thân thiện và thống nhất trên cả nước.

c) Quy định về hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Dự thảo đã thực hiện sửa đổi quy định về hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ với quy định mới tại Luật Đầu tư năm 2025. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư năm 2025 thì nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Do đó, thành phần hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp này sẽ được lược bỏ “*bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*” tại điểm g khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã. Thay vào đó, để bảo đảm yêu cầu quản lý, nội dung cam kết đáp ứng các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tích hợp trực tiếp vào Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Việc sửa đổi nội dung này tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất, giúp các nhà đầu tư nhanh chóng hoàn thiện thủ tục gia nhập thị trường.

d) Sửa đổi nội dung thông báo giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác và trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc lưu giữ thông tin về thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể, chấm dứt hoạt động

Dự thảo Nghị định đã: (i) Sửa đổi, bổ sung nội dung thông báo giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để bổ sung một số thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn; (ii) Sửa đổi, bổ sung nội dung thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác để bổ sung thông tin về thành viên tổ hợp tác; (iii) đồng thời quy định trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc lưu giữ các thông tin này với thời hạn ít nhất 05 năm kể từ ngày các chủ thể này chính thức giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.

Việc bổ sung quy định này nhằm thể chế hóa nội dung Hành động số 01 tại Quyết định số 948/QĐ-TTg, cụ thể tại STT 1.1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này: “sửa đổi quy định pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ hợp tác, đăng ký kinh doanh để sửa đổi, bổ sung quy định yêu cầu công ty cổ phần chưa niêm yết, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi đăng ký giải thể hoặc chấm dứt hoạt động phải thông báo đầy đủ thông tin về cổ đông, thành viên tại thời điểm giải thể; các thông tin này phải được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn tối thiểu 05 năm sau khi chấm dứt hành động”.

Mục tiêu của cải cách này là tăng cường khả năng giám sát của cơ quan nhà nước đối với cấu trúc thành viên và tình trạng vốn góp tại thời điểm thực thể kinh tế rút lui khỏi thị trường, đảm bảo các nghĩa vụ thuế và tài chính được thực hiện đầy đủ, chính xác. Kết quả là quy trình giải thể, chấm dứt hoạt động trở nên chặt chẽ và minh bạch hơn, không chỉ giúp ngăn chặn các hành vi trục lợi hoặc trốn thuế thông qua việc giải thể mà còn khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc thực thi các chuẩn mực quốc tế về minh bạch thông tin tài chính và quản lý thuế đối với khu vực kinh tế tập thể. Thông tin được cập nhật và lưu trữ đồng bộ trong Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, phục vụ việc tra cứu và quản lý nhà nước và cung cấp thông tin theo yêu cầu.

d) Quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Để đảm bảo tính thống nhất trong bộ máy hành chính sau khi sắp xếp lại tổ chức, dự thảo quy định việc chuyển giao toàn bộ chức năng quản lý nhà nước về đăng ký khu vực kinh tế tập thể từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang Bộ Tài chính. Với trách nhiệm mới, Bộ Tài chính sẽ chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Trách nhiệm này bao gồm cả việc bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ cấp xã và hướng dẫn thực hiện số hóa, chuyển đổi dữ liệu từ sổ theo dõi thủ công vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Việc xác định rõ cơ quan đầu mối ở trung ương là Bộ Tài chính giúp quy trình quản lý được đồng bộ từ khâu ban hành chính sách đến khâu thực thi tại cơ sở, tránh tình trạng chồng chéo thẩm quyền và tạo sự yên tâm cho các chủ thể khi thực hiện thủ tục.

Đồng thời, tại cấp địa phương, dự thảo Nghị định phân định rõ trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã để đảm bảo thực hiện công tác đăng ký kinh doanh theo chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

đ) Quy định về xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác

Dự thảo Nghị định quy định về xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác tại một điều riêng theo hướng cụ thể, rõ ràng. Đối với quy định xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo được cập nhật cùng quy định xử lý đối với trường hợp nội dung kê khai thành lập là giả mạo. Việc quy định như trên tạo thuận tiện cho người dân và cơ quan đăng ký dễ hiểu và thực hiện các nghiệp vụ liên quan dễ dàng hơn.

e) Quy định về tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định tình trạng “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để đảm bảo bảo phù hợp với quy định xác minh của cơ quan thuế; tình trạng “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động”, “Đã chấm dứt hoạt động”, “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để đảm bảo tương đồng giống quy định đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

g) Quy định về cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi có quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc phục hồi, phá sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản

Dự thảo Nghị định bổ sung quy định về chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc có quyết định phá sản để đảm bảo tính thống nhất về tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; quy định về cập nhật tình trạng pháp lý khi đình chỉ thủ tục phá sản, huỷ quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.

2.2. Nội dung bổ sung

a) Quy định về tiếp nhận, trả kết quả thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh

Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định cho phép người đại diện tổ hợp tác hoặc người được ủy quyền đăng ký hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả tại bất kỳ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nào trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính. Nội dung này nhằm trực tiếp hiện thực hóa mục tiêu chiến lược tại Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP của Chính phủ, yêu cầu đến năm 2025 phải đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh. Việc giải quyết hồ sơ vẫn do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở thực hiện để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, song sự linh hoạt trong khâu tiếp nhận và trả kết quả sẽ tạo điều kiện thuận lợi tối đa, giúp giảm thiểu đáng kể thời gian và chi phí đi lại cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Đây là bước đi quan trọng trong việc đổi mới công tác tiếp nhận dịch vụ công, tận dụng ưu thế của Hệ thống thông tin về đăng ký hợp

tác xã để xóa bỏ rào cản địa lý, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ và chỉ số hài lòng của người dân đối với sự điều hành của chính quyền địa phương.

b) Quy định về đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

Dự thảo Nghị định đã bổ sung các quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự và thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cũng như thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dựa trên bản án của Tòa án hoặc phán quyết của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật. Việc bổ sung này xuất phát từ thực tiễn thi hành khi phát sinh các tranh chấp hoặc quyết định tư pháp làm thay đổi thông tin đăng ký của hợp tác xã, trong khi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hiện hành chưa có quy định hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này. Theo đó, thành phần hồ sơ được đơn giản hóa, chi bao gồm giấy đề nghị và bản sao quyết định, phán quyết có hiệu lực, đồng thời quy trình thực hiện được xác lập rõ ràng nhằm đảm bảo tính thống nhất với Luật Hợp tác xã. Quy định mới này không chỉ tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và góp phần xây dựng môi trường kinh doanh an toàn, công khai, minh bạch.

c) Quy định về xác thực điện tử

Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về việc yêu cầu xác thực điện tử đối với cả người ủy quyền và người được ủy quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục đăng ký. Đây là bước cải cách quan trọng nhằm ngăn chặn các hành vi giả mạo thông tin cá nhân để thành lập hợp tác xã nhằm trục lợi bất hợp pháp, từ đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường. Quy trình này được vận hành dựa trên cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia để bảo đảm tính chính xác của thông tin định danh. Đồng thời, để đảm bảo tính liên tục và không gây nghẽn thủ tục hành chính, dự thảo cũng quy định các phương án xử lý linh hoạt như cho phép sử dụng giấy tờ pháp lý cá nhân thay thế khi chưa có tài khoản định danh điện tử, hoặc thực hiện xác thực bổ sung sau khi cấp đăng ký nếu quá trình kết nối bị gián đoạn. Việc xác lập cơ chế này không chỉ nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước mà còn góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh an toàn, minh bạch và tin cậy cho khu vực kinh tế tập thể phát triển bền vững.

d) Bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác

Thể chế hóa cụ thể nội dung hành động tại Quyết định số 948/QĐ-TTg nhằm đáp ứng khuyến nghị của Diễn đàn toàn cầu về việc sửa đổi quy định pháp luật về tổ hợp tác để bổ sung nghĩa vụ thông báo thay đổi thành viên tổ hợp tác, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác tại Điều 60 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Theo đó, khi có thay đổi thành viên tổ hợp tác, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi, tổ hợp tác phải gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

d) Quy định về tổng thời gian tối đa tạm ngừng và cơ chế xác nhận thông tin trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Nội dung bổ sung này nhằm trực tiếp thể chế hóa nội dung Hành động số 01 tại Quyết định số 948/QĐ-TTg, cụ thể tại STT 1.6 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này: “Đối với các doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh: Nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật về doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh nhằm bảo đảm thông tin đăng ký doanh nghiệp được cập nhật trong suốt thời gian tạm ngừng kinh doanh; đồng thời nghiên cứu cơ chế xác nhận phù hợp đối với trường hợp doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; cân nhắc bổ sung thời hạn tối đa tạm ngừng kinh doanh và giải thể bắt buộc khi quá thời hạn”; “Sửa đổi pháp luật đối với các loại hình pháp nhân khác (bao gồm: hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã) và tổ hợp tác tương tự như cơ chế sửa đổi pháp luật doanh nghiệp như trên”.

Về nội dung cụ thể, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định: (1) nghĩa vụ phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi theo quy định của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi có thay đổi trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo thông báo của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; (2) giới hạn thời gian tạm ngừng mỗi lần đăng ký là không quá 12 tháng và tổng thời gian tạm ngừng liên tiếp không được quá 24 tháng; (3) yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện xác nhận về việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo; (4) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được xác nhận của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo theo quy định sẽ bị thu hồi giấy và phải tiến hành thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động.

Quy định này hướng tới mục đích minh bạch hóa tình trạng pháp lý, xóa bỏ tình trạng các thực thể “tồn tại ảo” trên hệ thống. Kết quả đạt được từ cải cách này đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy của thông tin về tình trạng pháp lý, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật và quyền sở hữu hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

e) Bổ sung quy định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh

Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP đã quy định một trong các quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là yêu cầu tổ hợp tác báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về việc xử lý các tổ hợp tác không báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh. Do vậy, nhằm bảo đảm tính tuân thủ quy định này trong quá trình thực thi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các nghiệp vụ quản lý nhà nước, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về trường hợp và quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

Ngoài ra, nội dung bổ sung này cũng là một trong các biện pháp tăng cường quản lý đối với tổ hợp tác nhằm đáp ứng khuyến nghị của Diễn đàn toàn cầu về cơ chế xử lý khi tổ hợp tác không xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.

2.3. Nội dung lược bỏ

a) Quy định về sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

Dự thảo Nghị định đã thực hiện bước cải cách quan trọng khi bãi bỏ quy định bắt buộc cá nhân phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng khi thực hiện đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên mạng điện tử. Nội dung lược bỏ này nhằm trực tiếp hiện thực hóa chủ trương tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ, quy định rằng khi cá nhân đã thực hiện đăng nhập và xác thực thành công qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) thì không nhất thiết phải thực hiện ký số trên các biểu mẫu điện tử tương tác. Sự thay đổi này giúp cắt giảm các rào cản kỹ thuật và chi phí tuân thủ, giảm gánh nặng cho người dân và hợp tác xã khi phải duy trì các chứng thư số riêng lẻ cho các giao dịch hành chính công. Kết quả là quy trình nộp hồ sơ trực tuyến trở nên đơn giản, nhanh chóng và thân thiện hơn, đồng thời tận dụng tối đa hạ tầng dữ liệu quốc gia để bảo đảm tính an toàn, xác thực mà vẫn thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế tập thể.

b) Quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp thông tin tổ hợp tác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

Dự thảo Nghị định đã thực hiện lược bỏ quy định tại khoản 6 Điều 65 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp thông tin các tổ hợp tác thành lập trước ngày Nghị định có hiệu lực cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Sự điều chỉnh này là hệ quả tất yếu của việc sắp xếp lại bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, trong đó đơn vị hành chính cấp huyện được bãi bỏ và toàn bộ nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác đã được phân cấp triệt để về cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Thay vì thực hiện bước chuyển giao dữ liệu trung gian như trước đây, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã giờ đây sẽ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuẩn hóa, số hóa và chuyển đổi thông tin từ sổ theo dõi tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã theo đúng chức năng, nhiệm vụ mới được xác lập. Việc tinh gọn quy trình này không chỉ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với tổ chức bộ máy mới mà còn giúp khai thác tối đa nguồn dữ liệu sẵn có tại cơ sở để giải quyết thủ tục cho người dân một cách nhanh chóng, hiệu quả, tránh các tầng nấc hành chính không cần thiết.

c) Phụ lục và các Biểu mẫu

Dự thảo Nghị định bãi bỏ Phụ lục và các Biểu mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 và các quy định liên quan đến biểu mẫu. Việc quy định các biểu mẫu tại Nghị định không còn phù hợp, do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính”. Đồng thời, các biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

2.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

a) Cắt giảm thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Dự thảo Nghị định đã thực hiện bước cải cách hành chính mạnh mẽ thông qua việc bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên, biên bản họp Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các thủ tục như đăng ký thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, tạm ngừng kinh doanh...; biên bản họp thành viên tổ hợp tác trong các thủ tục đăng ký thay đổi, tạm ngừng kinh doanh của tổ hợp tác. Việc lược bỏ này được xây dựng nhằm thể chế hóa mục tiêu trong năm 2026 tại Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Thay đổi này dựa trên quan điểm thực tiễn là các nội dung quyết định quan trọng của tổ chức kinh tế tập thể đã được phản ánh đầy đủ trong nghị quyết hoặc quyết định của cơ quan có

thâm quyền và nguyên tắc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự kê khai, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp, chính xác của hồ sơ. Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã góp phần kiến tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch với chi phí tuân thủ thấp hơn, giúp khu vực kinh tế tập thể nhanh chóng hoàn thiện thủ tục pháp lý để tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nhằm triệt để đơn giản hóa thủ tục và giảm bớt gánh nặng giấy tờ cho các tổ chức kinh tế tập thể, thực hiện nguyên tắc thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu điện tử tại Nghị quyết 66/7/2025/NQ-CP, dự thảo Nghị định đã: (i) lược bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong thành phần hồ sơ đăng ký. Nội dung này được xây dựng trên cơ sở kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu điện tử giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính thông qua mã số thuế dùng chung; (ii) Bổ sung nguyên tắc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Cụ thể, đối với thành phần hồ sơ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và bản sao văn bản chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, trường hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký đầu tư, cơ sở dữ liệu về bản án của Tòa án được kết nối với Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác được thông tin của các giấy tờ này thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phải nộp bản sao các giấy tờ nêu trên.

Sự thay đổi này không chỉ giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ và giảm chi phí tuân thủ cho người dân mà còn bảo đảm tính đồng bộ, chính xác của thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

b) Cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ

Dự thảo Nghị định đã thực hiện bước cải cách hành chính mạnh mẽ khi rút ngắn đáng kể thời hạn giải quyết các thủ tục đăng ký so với quy định hiện hành tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Cụ thể, thời gian xử lý hồ sơ đối với nhiều thủ tục đã được điều chỉnh giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc; từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc và trong nhiều trường hợp cụ thể khác chỉ còn 01 ngày làm việc. Việc cắt giảm này nhằm trực tiếp thể chế hóa mục tiêu chiến lược tại Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Thay đổi này được xây dựng trên quan điểm đẩy mạnh chuyển đổi số, tận dụng tối đa việc kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước để tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ.

2.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Nghị định quy định phân định thẩm quyền giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để không chỉ giúp tinh gọn bộ máy, xóa bỏ các tầng nấc trung gian mà còn đưa dịch vụ hành chính công đến gần sát người dân nhất, từ đó nâng cao tính tự chủ và hiệu lực quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tập thể ngay từ cấp cơ sở.

2.6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết: Không có

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*:

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực: Dự thảo Nghị định được xây dựng trên quan điểm tối ưu hóa bộ máy và tận dụng triệt để hạ tầng công nghệ sẵn có, do đó việc thực thi các quy định mới sẽ không làm phát sinh thêm nguồn lực về nhân sự cũng như tài chính từ ngân sách nhà nước. Cụ thể, các nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu tập trung vào việc chuẩn hóa quy trình và phân định rõ thẩm quyền giải quyết tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thay cho cấp huyện, không phát sinh thêm các thủ tục hành chính mới so với quy định hiện hành. Toàn bộ nghiệp vụ đăng ký và quản lý dữ liệu đối với tổ hợp tác, hợp tác xã tiếp tục được vận hành thông suốt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, giúp các địa phương thực hiện nhiệm vụ mà không cần đầu tư thêm hệ thống mới.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị định: Bộ Tài chính tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Nghị định; chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị định.

3. Thời gian trình ban hành văn bản: Trong tháng 8/2026.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ: ...;
- Lưu: VT, DNTN (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Tâm

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6 Điều 4

“7. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ đăng ký và nhận kết quả tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Việc giải quyết hồ sơ đăng ký do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính thực hiện.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.”.

Điều 2. Sửa đổi Điều 5

“Điều 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thành lập phòng chuyên môn thì Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng, nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này say đây được gọi là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có tài khoản và con dấu riêng.”.

Điều 3. Bổ sung khoản 10 vào khoản 9 Điều 7

“10. Lưu giữ thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác ít nhất 05 năm kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, tổ hợp tác chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.”.

Điều 4. Sửa đổi Điều 8

“Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Bộ Tài chính

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyên đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nghiệp vụ đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

e) Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền của địa phương; tổng hợp tình hình quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Phân bổ đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo số lượng tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và điều kiện vị trí địa lý trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; công tác quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập; công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Xây dựng, triển khai kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

c) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định này;

d) Có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.”

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 10

“1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về

họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.”.

Điều 6. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều 12

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để yêu cầu người ủy quyền thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Căn cứ điều kiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống định danh và xác thực điện tử, thời điểm triển khai thực hiện việc xác thực điện tử được thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”.

Điều 7. Sửa đổi Điều 24

“Điều 24. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời thực hiện lại việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định.

2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác

xã không nộp hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.”.

Điều 8. Sửa đổi Điều 27

“Điều 27. Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có nghị quyết chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập và đang làm thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

6. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.

7. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập theo quy định tại Luật Hợp tác xã.”.

Điều 9. Sửa đổi Điều 28

“Điều 28. Tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3 “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã phá sản.”.

Điều 10. Sửa đổi Điều 31

“1. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu.

3. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

4. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.”.

Điều 11. Sửa đổi Điều 32

“Điều 32. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin tại các trường thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã theo quy định sau đây:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng

đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.”

Điều 12. Sửa đổi Điều 34

“Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định thì hồ sơ không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm g khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã. Trong trường hợp này, Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã.”

Điều 13. Bổ sung Điều 40a sau Điều 40

“Điều 40a. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Hợp tác xã.”.

Điều 14. Bổ sung Điều 43a sau Điều 43

“Điều 43a. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

1. Hồ sơ thông báo bao gồm giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 3 Điều 48 Luật Hợp tác xã.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.”.

3. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

8. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và phải thực hiện thủ tục giải thể bắt buộc theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.”.

Điều 16. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 48

“3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.”.

Điều 17. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 50

“a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trong đó bao gồm thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn (trừ thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài), thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã tại thời điểm giải thể sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với

thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 53

“Điều 53. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 103 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn

bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế không phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này. Trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.”.

Điều 19. Sửa đổi khoản 3 Điều 54

“3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:

a) Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 55

“Điều 55. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án;

d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phạm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng

đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

7. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.”.

Điều 21. Sửa đổi khoản 2 Điều 56

“2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.”.

Điều 22. Sửa đổi Điều 57

“Điều 57. Quy trình chuyển tình trạng pháp lý, đình chỉ thủ tục phá sản, huỷ quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản

1. Việc chuyển tình trạng pháp lý sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, trích lục quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

c) Trường hợp nhận được quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng pháp lý trước

thời điểm có quyết định mở thủ tục phá sản trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án giữ nguyên quyết định đình chỉ thủ tục phá sản hoặc chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án hủy quyết định đình chỉ thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết thủ tục phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định huỷ quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

5. Thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 23. Sửa đổi khoản 3 Điều 58

“3. Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60

1. Bổ sung điểm g sau điểm e khoản 1

“g. Thành viên tổ hợp tác.”.

2. Bổ sung khoản 5a sau khoản 5

“Trường hợp thay đổi thành viên tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
- b) Danh sách thành viên tổ hợp tác.”.

3. Sửa đổi khoản 6

“6. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm c, e và g khoản 1 Điều này nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 62

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2

“1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, trong đó có thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân.”.

2. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo thông báo của tổ hợp tác; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, khi có thay đổi theo quy định tại Điều 60 Nghị định này, tổ hợp tác phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác theo quy định.

8. Người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại 63 Nghị định này”.

Điều 26. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 63

“a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày ... (ngày Nghị định sửa đổi này có hiệu lực thi hành) và đến thời điểm chấm dứt hoạt động chưa cập nhật thông tin thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định thì thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác phải bao gồm thông tin thành viên tổ hợp tác tại thời điểm chấm dứt hoạt động sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên;”.

Điều 27. Sửa đổi Điều 64

“Điều 64. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo;

b) Không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo ;

c) Theo quyết định của Tòa án;

d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tổ hợp tác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Tổ hợp tác có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác. Tổ hợp tác có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu tổ trưởng tổ hợp tác đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, đồng thời ra thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của tổ hợp tác sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác đến trụ sở của tổ hợp tác, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý. Tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 63 Nghị định này:

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.”.

Điều 28. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 66

“1a. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”.

Điều 29. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và Phụ lục

1. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 3 Điều 3; khoản 5 Điều 13; khoản 2, khoản 4 Điều 20.

2. Thay thế cụm từ “Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính” tại tên Điều 6; khoản 4 và khoản 9 Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 5 Điều 65.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 4 và khoản 9 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 50; điểm b khoản 3 Điều 63.

4. Thay thế cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” thành “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; Tên Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1 và khoản 5 Điều 13; điểm c khoản 3 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 3 và khoản 4 Điều 18; Tên Điều 19, các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 19; các khoản 2, 3 và 4 Điều 20; khoản 1 và khoản 2 Điều 21; khoản 1 và khoản 4 Điều 22; khoản 1 và khoản 3 Điều 23; các khoản 2, 3 và 4 Điều 25; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; các khoản 2, 3, 5 và 6 Điều 27; Tên Điều 33 và các khoản 1, 2 và 3 Điều 33; các khoản 1, 3 và 4 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1 và khoản 2 Điều 42; khoản 2 Điều 43; Điều 44; các khoản 1, 3 và 5 Điều 45; khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các khoản 4, 5 và 6 Điều 47; khoản 1 và khoản 2 Điều 48; Điều 49; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 50; các khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 52; các khoản 2, 4 và 5 Điều 54; khoản 1 và khoản 3 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 58; khoản 3 Điều 59; các khoản từ 1 đến 5 Điều 60; khoản 1 Điều 61; các khoản 3, 5 và 6 Điều 62; các khoản từ 1 đến 5 Điều 63; các khoản 4, 5 và 6 Điều 64; các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65.

5. Thay thế cụm từ “huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” thành “xã, phường, đặc khu” tại khoản 3 Điều 45; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 65.

6. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “02 ngày làm việc” tại khoản 5 Điều 45; khoản 2 Điều 58.

7. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “01 ngày làm việc” tại khoản 7 Điều 19; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; Điều 44; khoản 1 Điều 46; khoản 4 Điều 47; Điều 49; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52; khoản 3 Điều 59; khoản 5 Điều 62; khoản 2 Điều 63.

8. Bãi bỏ cụm từ “chứng minh nhân dân” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10.

9. Bãi bỏ khoản 2 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 36; điểm b khoản 2 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 1 Điều 41; điểm b khoản 2 Điều 54; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 60; khoản 6 Điều 65.

11. Bãi bỏ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp thuận

trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ đã được cấp. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này.

3. Việc xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo quy định tại Điều 15 và Điều 25 Nghị định này được thực hiện đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

- Về mục đích rà soát: Việc rà soát nhằm đánh giá mức độ phù hợp của dự thảo Nghị định với Hiến pháp và các điều ước quốc tế cũng như tính thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành, trên cơ sở định hướng từ các chủ trương, đường lối của Đảng; từ đó đề xuất giải pháp bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của các quy định trong dự thảo Nghị định; bảo đảm tính tương thích, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Về yêu cầu rà soát: tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghiên cứu kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định; rà soát đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để có đánh giá khách quan, chính xác.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Chính phủ có liên quan đến dự thảo Nghị định;

- Nhóm các luật, nghị định về hợp tác xã và các luật, nghị định chuyên ngành khác có liên quan đến dự thảo Nghị định;

- Các điều ước quốc tế có liên quan.

2.1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

Các văn kiện của Đảng có liên quan được rà soát:

(1) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

(2) Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

(3) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật;

(4) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

(5) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

(6) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

(7) Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

(8) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

(9) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

2.2. Điều ước quốc tế liên quan có liên quan đến dự thảo Nghị định

Một số điều ước quốc tế có liên quan trong lĩnh vực đầu tư và kinh tế được rà soát bao gồm:

i) Chương 10 Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP);

ii) Nghị định thư thứ tư sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN;

iii) Hiệp định Đầu tư giữa Chính phủ các Quốc gia Thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính quyền Đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (AHK-IA);

iv) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

v) Nghị định thư thứ ba sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN;

- vi) Nghị định thư thứ hai sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN;
- vii) Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU...

2.3. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan được rà soát:

- (1) Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;
- (2) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- (3) Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;
- (4) Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;
- (5) Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- (6) Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- (7) Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

- Tổng số văn bản đã được rà soát: **9**.
- Qua rà soát, dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản đã được rà soát nêu tại Mục I.2.1 Báo cáo này, cụ thể tại Mục 1 Phụ lục kèm theo.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

- Tổng số văn bản đã được rà soát: **Hiến pháp, 03 luật, 03 nghị định**.
- Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Mục I.2.3 Báo cáo này, dự thảo Nghị định đã bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, cụ thể tại Mục 2 Phụ lục kèm theo.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Dự thảo này không quy định phân biệt đối xử và hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp

tác xã, do đó không phát sinh mâu thuẫn, vướng mắc với các điều ước quốc tế được rà soát.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTCP Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Phó TTCP Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để biết);
- Lưu: VT, DNNN, DNTN (ĐKKD).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Tâm

Phụ lục

VỀ RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 92/2024/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số .../BC-BTC ngày .../.../2026 của Bộ Tài chính)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

| QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN | CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG | ĐÁNH GIÁ | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|-------------------------------------|--|--|----------------------|
| Toàn bộ dự thảo | <p>(i) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.</p> <p>(ii) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: “Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể”.</p> <p>(iii) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên</p> | <p>Đã thể chế phù hợp.</p> <p>- Các quy định tại dự thảo nhằm mục đích giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>+ Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để đảm bảo thực hiện công tác đăng ký kinh doanh theo chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.</p> <p>+ Hoàn thiện quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử và việc tiếp nhận, trả kết quả thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.</p> | Giữ nguyên dự thảo. |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | <p>mới: “Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn”, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, “tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc”, “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định”.</p> <p>(iv) Nghị quyết số 59-NQ/TW về nhiệm vụ, giải pháp: “Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số.”</p> <p>(v) Điều 1 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu quy định việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính bằng việc khai thác hoặc sử dụng thông tin tương ứng từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định: “Cá nhân đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thì không phải thực hiện ký số biểu mẫu điện tử tương tác”.</p> <p>(vi) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;</p> | <p>+ Bổ sung quy định về tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác; việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc phán quyết của Trọng tài.</p> <p>+ Bổ sung thành phần hồ sơ giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc lưu giữ thông tin về thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi giải thể, chấm dứt hoạt động để đáp ứng yêu cầu của các thành viên quốc tế tham gia Diễn đàn toàn cầu về trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế.</p> <p>+ Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thành phần, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm triệt để đơn giản hóa thủ tục và giảm bớt gánh nặng giấy tờ cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; của tổ hợp tác.</p> | |
|--|--|---|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>(vii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.</p> <p>(viii) Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã đề ra 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể, trong đó có nhiệm vụ “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể”.</p> <p>(ix) Nghị quyết số 57-NQ/TW về mục tiêu: “Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.”</p> | <p>+ Lược bỏ một số quy định về sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cung cấp thông tin tổ hợp tác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và các biểu mẫu cũ đã không còn phù hợp.</p> <p>- Dự thảo bảo đảm tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có sự giám sát, đóng góp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan góp phần nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật.</p> | |
|--|---|--|--|

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

| QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN | QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|------------------------------|---|----------|---------------|
|------------------------------|---|----------|---------------|

| | | | |
|---|---|---|---------------------|
| Thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ | Hiến pháp 2013 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác”. | Bảo đảm tính hợp hiến và hợp pháp. Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. | Giữ nguyên dự thảo. |
| Điều 12 | <p>- Luật Hợp tác xã 2024: Điểm g khoản 2 Điều 42: Một trong các thành phần hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là “Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư”.</p> <p>- Luật Đầu tư năm 2025: Khoản 2 Điều 19 “2. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 8 của Luật này khi thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế.”</p> <p>- Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: Khoản 3 Điều 72 “3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> | <p>Đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ với quy định mới tại Luật Đầu tư năm 2025. Thành phần hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp này sẽ được lược bỏ “bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”. Thay vào đó, để bảo đảm yêu cầu quản lý, nội dung cam kết đáp ứng các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tích hợp trực tiếp vào Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã.</p> | Giữ nguyên dự thảo. |

| | | | |
|---|---|--|---------------------|
| | theo quy định tại khoản 1 Điều này, Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.” | | |
| Từ Điều 1 đến Điều 27 quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP | Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã | Bảo đảm tính thống nhất. Dự thảo bao gồm các quy định sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP, do đó không mâu thuẫn với Nghị định. | Giữ nguyên dự thảo. |
| Điều 2, Điều 27 | Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Điều 8 sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, theo đó, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý; việc quyết định thành lập các phòng chuyên môn do chính quyền địa phương cấp xã quyết định. Trường hợp các đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo quy định. | Bảo đảm tính thống nhất. Dự thảo quy định cơ quan kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Phòng chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” và thay thế cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” thành “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” để đảm bảo | Giữ nguyên dự thảo. |

phù hợp với cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

| QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN | QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN | ĐÁNH GIÁ | ĐỀ XUẤT XỬ LÝ |
|------------------------------|---|--|---------------------|
| Toàn bộ dự thảo | <p>Một số điều ước quốc tế có liên quan trong lĩnh vực đầu tư và kinh tế được rà soát bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Chương 10 Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); ii) Nghị định thư thứ tư sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN; iii) Hiệp định Đầu tư giữa Chính phủ các Quốc gia Thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính quyền Đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (AHK-IA); iv) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); v) Nghị định thư thứ ba sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN; vi) Nghị định thư thứ hai sửa đổi Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN; vii) Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU... | <p>Bộ Tài chính nhận thấy, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. Dự thảo này không quy định phân biệt đối xử và hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, do đó không phát sinh mâu thuẫn, vướng mắc với các điều ước quốc tế được rà soát.</p> | Giữ nguyên dự thảo. |

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 92/2024/NĐ-CP NGÀY 18/7/2024 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

| NGHỊ ĐỊNH 92/2024/NĐ-CP | DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | THUYẾT MINH |
|--|---------------------------------|--------------------|
| <p>Điều 4. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo.</p> <p>2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm và chịu trách nhiệm thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> | | |

| | | |
|---|---|--|
| <p>3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xảy ra trước và sau khi đăng ký.</p> <p>4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>5. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>6. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị thực hiện các thủ tục đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>Trường hợp địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trực thuộc chi nhánh thì người ký văn bản đề nghị thực hiện các thủ tục đối với địa điểm kinh doanh là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc người đứng đầu chi nhánh.</p> | <p>Điều 1. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6 Điều 4</p> <p>“7. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp</p> | <p>Nội dung này nhằm thực hiện theo mục tiêu tại Nghị quyết số 66/2025/NQ-CP của Chính phủ, về việc thực hiện thủ tục hành</p> |
|---|---|--|

| | | |
|--|--|---|
| | <p>tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ đăng ký và nhận kết quả tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Việc giải quyết hồ sơ đăng ký do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính thực hiện.</p> <p>8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.”.</p> | <p>chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh và Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu</p> |
|--|--|---|

| | | |
|---|--|--|
| <p>Điều 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).</p> <p>2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù theo nghị quyết của Quốc hội thì cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.</p> <p>3. Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gọi chung là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.</p> <p>4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có tài khoản và con dấu riêng.</p> | <p>Điều 2. Sửa đổi Điều 5</p> <p>Điều 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thành lập phòng chuyên môn thì Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng, nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>2. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.</p> <p>3. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này say đây được gọi là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có tài khoản và con dấu riêng.</p> | <p>- Quy định về phân định lại thẩm quyền đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tương thích với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện.</p> <p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là phòng chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với các đơn vị hành chính cấp xã có thành lập phòng chuyên môn) hoặc chính là Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với các đơn vị không thành lập phòng chuyên môn) theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP và Nghị định số 370/2025/NĐ-CP.</p> |
| <p>Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện</p> <p>1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xem xét tính hợp lệ của hồ</p> | | |

sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hướng dẫn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký;

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã; thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và theo yêu cầu của cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo nội dung trong hồ sơ đăng ký.

6. Yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

7. Yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận

thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đáp ứng điều kiện theo quy định.

8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; giải thể, chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 3. Bổ sung khoản 10 sau khoản 9 Điều 7

10. Lưu giữ thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác ít nhất 05 năm kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, tổ hợp tác chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.”.

Nhằm thể chế hóa nội dung hành động tại Quyết định số 984/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc lưu giữ thông tin thành viên hợp tác xã, liên

| | | |
|--|---|---|
| | | hiệp hợp tác xã tối thiểu 05 năm kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể. |
| <p>Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;</p> <p>c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện nghiệp vụ đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng</p> | <p>Điều 4. Sửa đổi Điều 8</p> <p>Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Bộ Tài chính</p> <p>a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;</p> <p>c) Kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nghiệp vụ đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của tổ hợp tác, hợp</p> | <p>- Để đảm bảo tính thống nhất trong bộ máy hành chính sau khi sắp xếp lại tổ chức, dự thảo quy định việc chuyển giao toàn bộ chức năng quản lý nhà nước về đăng ký khu vực kinh tế tập thể từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang Bộ Tài chính.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 về trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND các cấp thành khoản 4 và khoản 5 theo hướng phân định rõ trách nhiệm của UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã để đảm bảo thực hiện công tác đăng ký kinh doanh theo chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.</p> |

ký hợp tác xã cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;
 đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kết nối giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã nhằm cung cấp mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trao đổi thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh;

tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

e) Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thanh tra,

b) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền của địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền của địa phương; tổng hợp tình hình quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Phân bổ đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo số lượng tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và điều kiện vị trí địa lý trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; công tác quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập; công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của tổ hợp tác, hợp

| | | |
|--|---|--|
| | <p>tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>e) Xây dựng, triển khai kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>g) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;</p> <p>b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;</p> <p>c) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định này;</p> <p>d) Có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.</p> | |
|--|---|--|

| | | |
|---|---|--|
| <p>Điều 10. Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> | <p>Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 10</p> <p>1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> | <p>Bổ sung nội dung kê khai (giới tính) của cá nhân người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm mục đích đối chiếu thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> |
| <p>Điều 12. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> | | |

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 6. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều 12

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để yêu cầu người ủy quyền thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh

Bổ sung quy định về việc yêu cầu xác thực điện tử đối với cả người ủy quyền và người được ủy quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục đăng ký, ngăn chặn các hành vi giả mạo thông tin cá nhân để thành lập hợp tác xã nhằm thực hiện các hành vi trục lợi, bất hợp pháp.

Nội dung này được sửa đổi đồng nhất với Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về xác thực điện tử người ủy quyền và người được ủy quyền trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

| | | |
|--|---|---|
| | <p>cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.</p> <p>Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người uỷ quyền.</p> <p>Căn cứ điều kiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống định danh và xác thực điện tử, thời điểm triển khai thực hiện việc xác thực điện tử được thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”.</p> | |
| <p>Điều 24. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác</p> <p>1. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xử lý các trường hợp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp</p> | <p>Điều 7. Sửa đổi Điều 24</p> <p>Điều 24. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác</p> <p>1. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời thực hiện lại việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp</p> | <p>- Chuyển quy định tại khoản 2 Điều 24 xuống khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 55 và khoản 2 Điều 64 để thống nhất về quy định thu hồi đối với từng đối tượng tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>- Sửa đổi tên Điều 24 và số thứ tự khoản 3 Điều 24 thành khoản 2 Điều 24.</p> |

| | | |
|--|---|---|
| <p>hợp tác xã, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.</p> <p>2. Việc xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã,</p> | <p>tác xã theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định.</p> <p>2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định khoản 1 Điều 24 theo hướng nâng cao trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.</p> |
|--|---|---|

liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng

không có hiệu lực trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và

nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp

xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không

hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

| | | |
|--|---|--|
| <p>Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liên kế sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.</p> | | |
| <p>Điều 27. Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>Các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 2. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. | <p>Điều 8. Sửa đổi Điều 27</p> <p>Điều 27. Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>Các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. 2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. 3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc | <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 6 đảm bảo phù hợp với quy định xác minh của cơ quan thuế về tình trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, đảm bảo tương đồng với quy định đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.</p> <p>- Sửa đổi thứ tự các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quá trình thành lập, hoạt động và giải thể, đảm bảo tương đồng với quy định đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.</p> |

3. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có nghị quyết chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập và đang làm thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.

5. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về việc giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập theo quy định tại Luật Hợp tác xã.

6. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà qua công tác kiểm tra, xác minh của cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp

không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có nghị quyết chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập

| | | |
|--|--|---|
| <p>lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>7. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.</p> | <p>và đang làm thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.</p> <p>6. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>7. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập theo quy định tại Luật Hợp tác xã.</p> | |
| <p>Điều 28. Tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>Các tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:</p> <p>1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang</p> | <p>Điều 9. Sửa đổi điều 28</p> <p>Điều 28. Tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>Các tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:</p> <p>1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3, 4 để đảm bảo tính thống nhất về tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp có quyết định mở thủ tục phá sản hay đã phá sản.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5 đảm bảo phù hợp với quy định xác minh của cơ quan thuế về tình trạng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, đảm</p> |

trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

3. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

4. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà qua công tác kiểm tra, xác minh của cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không

ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3 “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh

bảo tương đồng với quy định đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Sửa đổi thứ tự các tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quá trình thành lập, hoạt động và chấm dứt hoạt động. Việc quy định thứ tự tình trạng pháp lý sau sửa đổi đảm bảo tương đồng với quy định đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

tìm thấy tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng

| | | |
|---|--|---|
| | đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã phá sản. | |
| <p>Điều 31. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.</p> <p>2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử có thể định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn</p> | <p>Điều 10. Sửa đổi Điều 31</p> <p>Điều 31. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.</p> <p>2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng</p> | <p>Thực hiện chủ trương tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, theo đó cá nhân sau khi đã đăng nhập và xác thực bằng định danh điện tử sẽ không phải thực hiện ký số trên các biểu mẫu điện tử tương tác đã kê khai trực tiếp trên hệ thống. Do vậy, bỏ quy định việc xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản hoặc người có thẩm quyền ủy quyền.</p> |

| | | |
|--|--|--|
| <p>bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;</p> <p>c) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>4. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</p> | <p>văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;</p> <p>b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.</p> <p>4. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</p> | |
| | <p>Điều 11. Sửa đổi Điều 32</p> | <p>Sửa đổi quy trình đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử nhằm</p> |

Điều 32. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.
2. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tài văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.
3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.
4. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.
5. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

“Điều 32. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin tại các trường thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
 Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.
- Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ

đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP. Theo đó, người nộp hồ sơ thực hiện đăng nhập qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Không yêu cầu ký số trên biểu mẫu và tải các tài liệu này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, nhằm cắt giảm các rào cản kỹ thuật không cần thiết, giảm chi phí tuân thủ và thời gian thao tác cho người dân và hợp tác xã, tạo điều kiện dễ tăng tỷ lệ đăng ký trên môi trường điện tử.

gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

6. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.

này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống

| | | |
|---|--|--|
| | <p>thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.</p> <p>4. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dùng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.”.</p> | |
| <p>Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã.</p> | <p>Điều 12. Sửa đổi Điều 34</p> <p>“Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã.</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định thì hồ sơ không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm g khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã. Trong trường hợp này, Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã.</p> | <p>Theo quy định tại Điều 19 Luật Đầu tư năm 2025 thì nhà đầu tư nước ngoài có thể thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Do đó, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với trường hợp này nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2025 và Điều 72 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.</p> |
| | <p>Điều 13. Bổ sung Điều 40a sau Điều 40</p> | <p>Bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký</p> |

| | | |
|--|---|---|
| | <p>Điều 40a. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực</p> <p>1. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.</p> <p>2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Hợp tác xã.”.</p> | <p>hợp tác xã xuất phát từ thực tiễn thi hành khi phát sinh các tranh chấp hoặc quyết định tư pháp làm thay đổi thông tin đăng ký của hợp tác xã, trong khi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hiện hành chưa có quy định hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này.</p> |
| | <p>Điều 14. Bổ sung Điều 43a sau Điều 43</p> <p>Điều 43a. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực</p> <p>1. Hồ sơ thông báo bao gồm giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.</p> <p>2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 3 Điều 48 Luật Hợp tác xã</p> | <p>Bổ sung hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã xuất phát từ thực tiễn thi hành khi phát sinh các tranh chấp hoặc quyết định tư pháp làm thay đổi thông tin đăng ký của hợp tác xã, trong khi Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hiện hành chưa có quy định hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này.</p> |

Điều 47. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

- a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh;
- b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

- a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện

- Luật Hợp tác xã, Nghị định số 92/2024/NĐ-CP hiện không quy định miễn trừ trách nhiệm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời gian tạm ngừng kinh doanh. Tuy nhiên, để đáp ứng khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), dự thảo Nghị định bổ sung nội dung này để làm rõ hơn

- Bổ sung thời gian tạm ngừng tối đa 24 tháng liên tiếp và cơ chế xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại theo khuyến nghị của OECD

trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.

3. Hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

4. Sau khi nhận hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tiếp tục kinh doanh trở lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tình trạng pháp lý của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong tình trạng “Đang hoạt động” sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh”.

6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đồng thời với thông báo

từ của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.”.

3. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

8. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp

| | | |
|---|---|--|
| <p>tiếp tục kinh doanh trở lại đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời với tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.</p> | <p>xã trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và phải thực hiện thủ tục giải thể bắt buộc theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.”.</p> | |
| <p>Điều 48. Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số</p> | | |

| | | |
|---|--|--|
| <p>ngành, nghề kinh doanh trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 16. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 48</p> <p>3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.”</p> | <p>Để đáp ứng khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về việc yêu cầu hợp tác xã cập nhật thông tin thay đổi trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> |
| <p>Điều 50. Đăng ký giải thể tự nguyện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể bao gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể;</p> | <p>Điều 17. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 50</p> <p>“a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trong đó bao gồm thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn (trừ thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài), thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã tại thời điểm giải thể sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài</p> | <p>Thể chế hóa nội dung hành động tại Quyết định số 948/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm đáp ứng khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải cập nhật đầy đủ thông tin về thành viên tại thời điểm giải thể.</p> |

| | | |
|---|--|--|
| <p>c) Quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;</p> <p>d) Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.</p> | <p>sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;</p> | |
| <p>Điều 53. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</p> <p>1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.</p> <p>2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 103</p> | <p>Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 53</p> <p>“Điều 53. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</p> <p>1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo</p> <p>a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.</p> <p>b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 53 theo hướng cập nhật quy định về xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo tại khoản 2 Điều 24 nhằm đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất.</p> <p>- Sửa đổi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 53 theo hướng không quy định trích dẫn Biểu mẫu do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong</p> |

Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong

hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 103 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm

thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính". Đồng thời, các Biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế không phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này. Trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy

và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản về

chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế không phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này. Trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp

| | | |
|---|--|--|
| | tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế đề cập nhật và phối hợp quản lý. | |
| <p>Điều 54. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> | <p>Điều 19. Sửa đổi khoản 3 Điều 54</p> <p>“3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:</p> <p>a) Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>b) Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã</p> | <p>Khi thực hiện chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh không cần chờ ý kiến xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh do việc quản lý nghĩa vụ thuế của địa điểm kinh doanh được tập trung tại chi nhánh hoặc doanh nghiệp.</p> |

| | | |
|--|--|---|
| | <p>chấm dứt hoạt động trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật</p> | |
| <p>Điều 55. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;</p> <p>b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế;</p> <p>c) Theo quyết định của Tòa án;</p> <p>d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban</p> | <p>Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 55</p> <p>“Điều 55. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;</p> <p>b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế;</p> <p>c) Theo quyết định của Tòa án;</p> <p>d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo</p> <p>a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông</p> | <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 55 theo hướng cập nhật quy định về xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo tại khoản 2 Điều 24 nhằm đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất.</p> <p>- Sửa đổi quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 55 theo hướng không quy định trích dẫn Biểu mẫu do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính”. Đồng thời, các Biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/IT-BTC ngày</p> |

hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi

báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phạm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kê

17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy

trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liên kế sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

7. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ

| | | |
|--|---|---|
| | <p>quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.</p> <p>7. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.</p> <p>8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.”.</p> | |
| | Điều 21. Sửa đổi khoản 2 Điều 56 | Sửa đổi, bổ sung về nội dung “cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, |

| | | |
|---|---|--|
| <p>Điều 56. Trình tự, thủ tục hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</p> <p>2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế.</p> | <p>“2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.”</p> | <p>chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh” và trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thực hiện.</p> |
| <p>Điều 57. Quy trình đăng tải quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án</p> <p>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải quyết định trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản.</p> | <p>Điều 22. Sửa đổi Điều 57</p> <p>“Điều 57. Quy trình chuyển tình trạng pháp lý, đình chỉ thủ tục phá sản, hủy quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản</p> <p>1. Việc chuyển tình trạng pháp lý sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án</p> <p>a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình</p> | <p>- Khoản 3 Điều 41 và khoản 6 Điều 65 Luật Phục hồi, phá sản không quy định việc đăng tải quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Căn cứ quy định trên, đề xuất bỏ quy định về đăng tải quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.</p> |

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải quyết định trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyên tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã phá sản.

3. Thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, trích lục quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

c) Trường hợp nhận được quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng pháp lý trước thời điểm có quyết định mở thủ tục phá sản trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đề nghị xem xét

- Bổ sung quy định về chuyên tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc có quyết định phá sản để đảm bảo tính thống nhất về tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (tại khoản 1).

- Khoản 4, 6 Điều 64 Luật Phục hồi, phá sản quy định quyết định đình chỉ thủ tục phá sản phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này, quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản phải gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này. Điểm c khoản 3 Điều 68 Luật Phục hồi, phá sản quy định huỷ quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm

lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án giữ nguyên quyết định đình chỉ thủ tục phá sản hoặc chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án hủy quyết định đình chỉ thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết thủ tục phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

5. Thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc

quyền giải quyết lại. Căn cứ quy định trên, đề xuất bổ sung quy định về đình chỉ thủ tục phá sản và hủy tuyên bố phá sản.

| | | |
|---|---|--|
| | <p>đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.</p> | |
| <p>Điều 58. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác</p> <p>3. Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> | <p>Điều 23. Sửa đổi khoản 3 Điều 58</p> <p>3. Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.</p> | <p>Sửa đổi nhiệm vụ đăng ký kinh doanh đối với tổ hợp tác được chuyển giao từ cấp huyện về cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.</p> |
| <p>Điều 60. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác</p> <p>1. Người đại diện tổ hợp tác của tổ hợp tác đã đăng ký theo quy định tại Nghị định này có trách nhiệm đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một hoặc một số nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên tổ hợp tác;</p> | <p>Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60</p> <p>1. Bổ sung điểm g sau điểm c khoản 1 “g. Thành viên tổ hợp tác.”.</p> <p>2. Bổ sung khoản 5a sau khoản 5 “Trường hợp thay đổi thành viên tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng</p> | <p>Bổ sung đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác và hồ sơ trình tự đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để đáp ứng khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)</p> |

- b) Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác;
- c) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Tổng giá trị phần vốn góp;
- đ) Người đại diện tổ hợp tác;
- e) Thông tin đăng ký thuế.

2. Khi thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
- b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

3. Khi tổ hợp tác thay đổi địa chỉ trụ sở, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác dự định chuyên đến. Trường hợp việc chuyên địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ hợp tác phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng

ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
- b) Danh sách thành viên tổ hợp tác.”.

3. Sửa đổi khoản 6

“6. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm c, e và g khoản 1 Điều này nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
- b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện;
- c) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác.

5. Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

6. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều này nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường

| | | |
|--|--|---|
| <p>hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.</p> | | |
| <p>Điều 62. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.</p> <p>2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của tổ hợp tác bao gồm thông báo tạm ngừng kinh doanh và bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc tạm ngừng kinh doanh. Hồ sơ thông báo</p> | <p>Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 62</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2</p> <p>“1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.</p> <p>Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.</p> <p>2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, trong đó có thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện của tổ hợp tác</p> | <p>- Cắt giảm thành phần hồ sơ là biên bản họp thành viên của tổ hợp tác nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.</p> <p>- Bổ sung quy định về việc khi có thay đổi, tổ hợp tác phải thực hiện đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định; Bổ sung thời gian tạm ngừng kinh doanh tối đa là 24 tháng liên tiếp và cơ chế xác nhận khi tiếp tục kinh doanh trở lại theo khuyến nghị của OECD</p> |

tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận hồ sơ cho tổ hợp tác. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại.

4. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, tổ hợp tác phải nộp đủ thuế, bảo hiểm xã hội còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ hợp tác kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án, cơ

trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân.”.

2. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo thông báo của tổ hợp tác; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, khi có thay đổi theo quy định tại Điều 60 Nghị định này, tổ hợp tác phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác theo quy định.

8. Người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30

| | | |
|--|---|--|
| <p>quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và công bố trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> | <p>ngày kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại 63 Nghị định này</p> | |
| <p>Điều 63. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác bao gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác;</p> <p>b) Quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;</p> <p>c) Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.</p> | <p>Điều 26. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 63</p> <p>“a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày ... (ngày Nghị định sửa đổi này có hiệu lực thi hành) và đến thời điểm chấm dứt hoạt động chưa cập nhật thông tin thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định thì thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác phải bao gồm thông tin thành viên tổ hợp tác tại thời điểm chấm dứt hoạt động sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên</p> | <p>Để đáp ứng khuyến nghị của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về minh bạch và trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý thuế về việc cập nhật thông tin thành viên tổ hợp tác tại thời điểm chấm dứt hoạt động.</p> <p>Đối với đối tượng là tổ hợp tác từ sau khi nghị định này có hiệu lực thi hành đã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thành viên theo quy định tại Điều 60 (sửa đổi), do đó không yêu cầu cập nhật thông tin thành viên tổ hợp tác tại thời điểm giải thể đối với đối tượng này.</p> |
| | <p>Điều 27. Sửa đổi Điều 64</p> | <p>- Bổ sung quy định về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp Tổ hợp tác không gửi báo cáo theo quy</p> |

Điều 64. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong các trường hợp sau đây:

- a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo;
- b) Theo quyết định của Tòa án;
- c) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này theo quyết định của Tòa án.

Điều 64. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong các trường hợp sau đây:

- a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo;
- b) Không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo ;
- c) Theo quyết định của Tòa án;
- d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của lần đăng ký thay đổi

định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo, do nội dung này đã được quy định tại Điều 7 Nghị định và nhằm đảm bảo sự thống nhất và tương đồng với quy định về doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 64 theo hướng cập nhật quy định về xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi tổ hợp tác là giả mạo tại khoản 2 Điều 24 nhằm đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất.

- Sửa đổi quy định tại khoản 2, 3 Điều 64 theo hướng không quy định trích dẫn Biểu mẫu do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, đồng thời ra thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của tổ hợp tác sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi; thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác đến trụ sở của tổ hợp tác, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý. Tổ hợp tác phải thực hiện

được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tổ hợp tác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên hệ kê trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Tổ hợp tác có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác. Tổ hợp tác có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liên tiếp kể sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu tổ trưởng tổ hợp tác đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu

trưởng Bộ Tài chính”. Đồng thời, các Biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 63 Nghị định này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.

không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, đồng thời ra thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của tổ hợp tác sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ

| | | |
|--|--|--|
| | <p>thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác đến trụ sở của tổ hợp tác, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý. Tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 63 Nghị định này.</p> <p>7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 66. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.</p> | <p>Điều 28. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 66</p> <p>“1a. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> | <p>Bổ sung quy định hướng dẫn trong trường hợp văn bản dẫn chiếu tại nghị định này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác.</p> |
| | <p>Điều 29. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và Phụ lục</p> | <p>- Bãi bỏ một số cụm từ để phù hợp với sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước và phân định</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | <p>1. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 3 Điều 3; khoản 5 Điều 13; khoản 2, khoản 4 Điều 20.</p> <p>2. Thay thế cụm từ “Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính” tại tên Điều 6; khoản 4 và khoản 9 Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 5 Điều 65.</p> <p>3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 4 và khoản 9 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 50; điểm b khoản 3 Điều 63.</p> <p>4. Thay thế cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” thành “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; Tên Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1 và khoản 5 Điều 13; điểm c khoản 3 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 3 và khoản 4 Điều 18; Tên Điều 19, các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 19; các khoản 2, 3 và 4 Điều 20; khoản 1 và khoản 2 Điều 21; khoản 1 và khoản 4 Điều 22; khoản 1 và khoản 3 Điều 23; các khoản 2, 3 và 4 Điều 25; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; các khoản 2, 3, 5 và 6 Điều 27; Tên Điều 33 và các khoản 1, 2 và 3 Điều 33; các khoản 1, 3 và 4 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1 và khoản 2 Điều 42; khoản 2 Điều 43; Điều 44; các khoản 1, 3 và 5 Điều 45; khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các khoản 4, 5 và 6 Điều 47; khoản 1 và khoản</p> | <p>thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm thành phần hồ sơ là bản sao biên bản họp trong một số thủ tục hành chính - Cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ dân ký của một số thủ tục - Cắt giảm Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định do đã được quy định đầy đủ tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC |
|--|--|--|

2 Điều 48; Điều 49; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 50; các khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 52; các khoản 2, 4 và 5 Điều 54; khoản 1 và khoản 3 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 58; khoản 3 Điều 59; các khoản từ 1 đến 5 Điều 60; khoản 1 Điều 61; các khoản 3, 5 và 6 Điều 62; các khoản từ 1 đến 5 Điều 63; các khoản 4, 5 và 6 Điều 64; các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65.

5. Thay thế cụm từ “huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” thành “xã, phường, đặc khu” tại khoản 3 Điều 45; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 65.

6. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “02 ngày làm việc” tại khoản 5 Điều 45; khoản 2 Điều 58.

7. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “01 ngày làm việc” tại khoản 7 Điều 19; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; Điều 44; khoản 1 Điều 46; khoản 4 Điều 47; Điều 49; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52; khoản 3 Điều 59; khoản 5 Điều 62; khoản 2 Điều 63.

8. Bãi bỏ cụm từ “chứng minh nhân dân” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10.

9. Bãi bỏ khoản 2 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 36; điểm b khoản 2 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 1 Điều 41; điểm b khoản 2 Điều

| | | |
|--|--|---|
| | <p>54; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 60; khoản 6 Điều 65.</p> <p>11. Bãi bỏ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.</p> | |
| | <p>Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ đã được cấp. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Việc xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo quy định tại Điều 15 và Điều 25 Nghị định này được thực hiện đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> | <p>Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với về các vấn đề sau đây: (1) giải quyết các hồ sơ đã được tiếp nhận và chưa được trả kết quả trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành; (2) Hiệu lực các giấy đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp trước khi sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương hai cấp; (3) Thời điểm triển khai việc xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo</p> |

| | | |
|----------------------------------|---|---|
| | <p>Điều 31. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.</p> | |
| Phụ lục và Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5. | 10. Bãi bỏ Phụ lục và Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5. | Bỏ các quy định về Phụ lục và Biểu mẫu do khoản 3 Điều 35 Nghị định 125/2025/NĐ-CP đã quy định: “Biểu mẫu sử dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và trong thông báo thành lập, thay đổi, chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính”. Đồng thời, các Biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |

| | | |
|--|--|---|
| | | khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. |
|--|--|---|